

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2017/HNGĐ-PT**.

Ngày: 12-9-2017

V/v xin ly hôn và tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Trang

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương;

Ông Huỳnh Tài Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Diễm K, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Đường Mạc Cửu, phường VQ, thành phố RG, tỉnh KG.

- Bị đơn: Anh Mã Thành T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Kiển, phường VT, thành phố RG, tỉnh KG.

- Người kháng cáo: Anh Mã Thành T, bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn chị Trương Thị Diễm K trình bày:

Chị và chồng là anh Mã Thành T quen biết và tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/10/2013. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã hàn gắn nhưng không thành nên chị và anh T đã chính thức ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Thấy sống chung không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị yêu cầu ly hôn. Lý do xin ly hôn: Chị cho rằng quá trình chung sống tính tình đôi bên không thể hòa hợp, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm và lối sống, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Về con chung: Chị xác nhận có 01 người con chung tên Mã Thành Nhân, sinh ngày 15/5/2014, hiện nay đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhân, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Mã Thành T trình bày:

Anh xác nhận việc vợ chồng chung sống là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Anh thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về những vấn đề nhỏ trong gia đình và anh cam kết sẽ sửa đổi tính tình, sẽ quan tâm đến gia đình nhiều hơn và tha thiết muốn được hàn gắn đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận có một người con tên Mã Thành N, sinh ngày 15/5/2014, cháu đang sống với chị K kể từ thời điểm ly thân đến nay. Nếu trường hợp chị K kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 33/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Diễm K được ly hôn với anh Mã Thành T.

- Về con chung: Giao người con chung tên Mã Thành N, sinh ngày 15/5/2014 cho chị Trương Thị Diễm K trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị K về việc không yêu cầu anh Mã Thành T cấp dưỡng nuôi con. Nếu trong quá trình

nuôi dưỡng về sau chị K gặp khó khăn thì có quyền yêu cầu anh T thực hiện cấp dưỡng nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Trương Thị Diễm K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Mã Thành T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2017 anh Mã Thành T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

Anh không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc Tòa án cấp sơ thẩm xử cho vợ anh là chị Trương Thị Diễm K được ly hôn với anh. Bởi vì anh còn rất thương yêu vợ con, luôn làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha và không muốn sau này con anh không có cha, về phía gia đình cha mẹ vợ anh cũng không đồng ý cho vợ chồng anh ly hôn. Do đó, anh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không công nhận bản án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã xử cho ly hôn mà cần công nhận anh và chị K vẫn là vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Mã Thành T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị Trương Thị Diễm K.

Nguyên đơn chị Trương Thị Diễm K yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, kiên quyết xin được ly hôn với anh Mã Thành T, không muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh T. Sửa bản án số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo hướng áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị Diễm K và anh Mã Thành T quen biết và tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/10/2013. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Xét kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: tại phiên tòa chị K cho rằng trong quá trình chung sống anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, không phụ giúp chị về kinh tế, anh T có những lời lẽ thô tục xúc phạm chị, hiện tại chị K đã không còn tình cảm với anh T. Anh T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống anh cũng có lỗi là chưa quan tâm chăm sóc vợ con đầy đủ, có lời lẽ thô tục do anh góp ý với chị K về lối sống nhưng chị K không khắc phục. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị K, nhưng hiện tại anh chị đã không còn chung sống với nhau, chị K cho rằng đã cho anh nhiều cơ hội khắc phục lỗi nhưng anh vẫn không khắc phục được. Thực tế mối quan hệ vợ chồng của anh chị không gắn kết kể từ khi bắt đầu chung sống do hàng ngày anh ăn cơm cùng cha mẹ anh, còn chị K thì ăn cơm cùng với gia đình chị K. Anh, chị chỉ cùng chung sống vào buổi tối và kinh tế của cả hai độc lập. Từ đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì giữa anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng chăm lo cho gia đình mà đã sống ly thân nhau từ tháng 2/2017 đến nay, về phía chị K luôn kiên quyết xin được ly hôn và không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh T. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho K được ly hôn với anh T là có cơ sở nên kháng cáo của anh T về việc không đồng ý ly hôn với chị K là không có cơ sở để chấp nhận.

[2]. Về con chung và tài sản các đương sự không kháng cáo nên đã có hiệu lực pháp luật.

Đối với Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho chị K được ly hôn với anh T là có cơ sở. Tuy nhiên, về điều luật áp dụng để giải quyết cho ly hôn và giải quyết vấn đề con chung, Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết là chưa phù hợp. Bởi vì, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

được áp dụng để xem xét đối với việc xác lập quan hệ hôn nhân, quan hệ tài sản và con chung vào thời điểm anh T và chị K xác lập quan hệ hôn nhân năm 2012 (thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực). Còn căn cứ giải quyết cho ly hôn, giải quyết vấn đề tài sản và nuôi con chung cũng cần phải áp dụng theo thủ tục của Luật Hôn nhân gia đình 2014 có hiệu lực tại thời điểm đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp được quy định tại khoản 2 Điều 131 như sau: *“Đối với vụ việc về hôn nhân và gia đình do Tòa án thụ lý trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa giải quyết thì áp dụng thủ tục theo quy định của luật này”*. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điều luật của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 làm căn cứ cho ly hôn, nuôi con chung nhưng về bản chất không làm thay nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm, mà chỉ cần bổ sung điều luật áp dụng và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc cho chị K được ly hôn với anh T.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Mã Thành T; không chấp nhận đề nghị sửa án sơ thẩm. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử.

[3]. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: chị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh Mã Thành T không được Tòa án chấp nhận nên anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Mã Thành T.

- Giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Diễm K được ly hôn với anh Mã Thành T.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Mã Thành N, sinh ngày 15/5/2014 cho chị Trương Thị Diễm K trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị K về việc không yêu cầu anh Mã Thành T cấp dưỡng nuôi con. Nếu trong quá trình nuôi dưỡng về sau chị K gặp khó khăn thì có quyền yêu cầu anh T thực hiện cấp dưỡng nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Trương Thị Diễm K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Mã Thành T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị K và anh T xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Trương Thị Diễm K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003402 ngày 14/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Anh Mã Thành T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0007411 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. RG;
- Chi cục THADS TP. RG;
- UBND Phường VT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Minh Trang

